TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày: 08 - 4 - 2021
V/v "Kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thọ;

2. Ông Y Mưng Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, về việc "*Kiện đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu L; Thôn N, xã C, huyện, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Thôn a, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Do có quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H có vay tiền của bà H nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 12/11/2012 vợ chồng ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị H vay số tiền: 9.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất cũng như thời hạn trả nợ.

Lần 2: Vào ngày 28/3/2013 ông Nguyễn Hữu L vay số tiền 7.900.000 đồng, lãi suất 3,5 %/ tháng, hẹn đến tháng 12/2013 trả cả gốc và lãi.

Lần 3: Vào ngày 07/02/2015 vợ chồng ông L, bà H vay số tiền 24.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 3%/tháng, hẹn đến ngày 30/12/2015 âm lịch trả cả gốc và lãi. Vào ngày 21/12/2015 thì vợ chồng ông L, bà H có trả số tiền 8.000.000 đồng và sau đó đến năm 2016 trả tiếp số tiền 3.000.000 đồng.

Tổng cộng ông L, bà H còn nợ của bà Hường là 22.000.000 đồng. Mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu ông L, bà H trả nợ nhưng ông L, bà H cứ khất lần và không có thiện chí trả nợ vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà H phải trả khoản nợ trên.

Tại phiên tòa bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ 7.900.000 đồng do chữ ký ông Nguyễn Hữu L trong các mẫu giám định không ổn định nên chưa giám định được do đó bà H không yêu cầu đối với khoản nợ 7.900.000 đồng mà khởi kiện bằng một yêu cầu riêng; ngoài ra trong quá trình giao dịch vay tiền chỉ có một mình bà Nguyễn Thị H trực tiếp ký vào các giấy vay nên bà H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ là 22.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày tại bản tự khai ngày 24/10/2019, trong biên bản hòa giải cũng như công khai chứng cứ: Bà Nguyễn Thị H thừa nhận do có quan hệ quen biết bà H là người đi bán bảo hiểm nên có tư vấn cho vợ chồng bà H mua bảo hiểm. Bà H thừa nhận là vào ngày 12/11/2012 vợ chồng bà H có vay của bà H số tiền: 9.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất cũng như thời hạn trả. Tuy nhiên, bà H, ông L đã trả cho bà H bằng việc bà H đến nhà lấy cà phê nhân, có vợ chồng N, H chứng kiến. Đối với giấy vay tiền số tiền 7.900.000 đồng thì bà H không biết, có hỏi ông L thì ông L nói là không có ký, không vay. Đối với số tiền 24.000.000 đồng trong giấy vay tiền do bà H cộng tiền lãi của tiền mua bảo hiểm và số tiền 9.000.000 đồng mới ra được 24.000.000 đồng, do không hiểu biết pháp luật nên vợ chồng tôi đã ký vào giấy vay tiền.

Trong thời gian vay vợ chồng bà H đã trả cho bà H được số tiền tổng cộng là 11.000.000 đồng và 9.000.000 đồng. Số tiền 11.000.000đồng là trả vào tiền lãi, đối với

số tiền 9.000.000 đồng vay và tiền bảo hiểm. Tôi có cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền ngày 10/12/2013 cho Tòa án.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2020: Vào khoảng năm 2010 – 2011 bà Nguyễn Thị H có quen biết bà Nguyễn Thị H qua việc làm ăn buôn bán cà phê và có nhớ là đến nhà bà H, ông L để cân cà phê, lúc đó bà H cũng có thu mua cà phê của bà H, ông L rồi bán lại khi được giá cho tôi. Việc vay mượn tiền giữa các bên như thế nào thì tôi không biết, tôi không liên quan.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần và tiến hành đối chất giữa các đương sự nhưng các bên vẫn không thỏa thuận được các vấn đề liên quan đến vụ án.Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dụng vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 22.000.000 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hữu L về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về "*Kiện đòi tài sản*", quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H vẫn cố tình vắng mặt nên HĐXX áp dụng điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H có quan hệ vay tiền là có thật, thể hiện tại các giấy xác nhận nợ vào ngày 12/11/2012 bà H vay của bà H số tiền: 9.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất cũng như ngày trả; ngày 07/02/2015 bà H có vay của bà H số tiền 24.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/12/2015 âm lịch sẽ trả cả gốc và lãi, lãi suất theo thỏa thuận là 3%/tháng và được các bên thừa nhận, số tiền bà H vay của bà H là 33.000.000 đồng. Trong quá trình vay bà H đã trả cho bà H số tiền

11.000.000 đồng, cụ thể: vào ngày 21/12/2015 trả 8.000.000 đồng, đến năm 2016 trả tiếp số tiền 3.000.000 đồng, như vậy bà H còn nợ bà H số tiền 22.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 22.000.000 đồng. Về tính lãi bà H không yêu cầu về lãi và đồng ý trừ số tiền 11.000.000 đồng đã nhận vào số tiền gốc. Xét thấy việc trừ vào tiền gốc không làm bất lợi cho bị đơn và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận.

Xét lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị H thấy rằng: Đối với khoản nợ 9.000.000 đồng vào ngày 12/11/2012, bà H cho rằng bà H đã lấy tiền bằng việc cấn trừ nợ từ việc ông N, bà H lấy cà phê tại nhà bà H. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H thì không có việc cấn trừ nợ, bà H không biết, không liên quan. Bà H cung cấp chứng cứ thể hiện vào ngày 29/12/2010 và 03/01/2011 có việc mua bán cà phê và bà H đã thanh toán xong cho bà H. Hơn nữa khoản tiền nợ 9.000.000 đồng vay ngày 12/11/2012, nhưng bà H khai đã cấn trừ nợ vào thời điểm 2010, 2011 là không phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận.Đối với khoản tiền 24.000.000 đồng bà H cho rằng do bà H cộng tiền lãi của số tiền mua bảo hiểm và số tiền 9.000.000 đồng mới ra được 24.000.000 đồng. Do hiểu biết pháp luật thấp nên bà H mới ký vào giấy vay tiền. Tuy nhiên thấy rằng lời khai của bà H là có mâu thuẫn, bỡi lẽ bà H khai là đã trả cho bà H 9.000.000 đồng, nay lại cộng số tiền mua bảo hiểm và số tiền nợ 9.000.000 đồng là không hợp lý. Đối với số tiền bà H khai ngoài đã trả cho bà H được 11.000.000 đồng, còn trả được cho bà H số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 18/10/2014 và ngày 08/11/2014 trả cho bà H được 5.000.000 đồng, tổng cộng là 9.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bà H chỉ thừa nhận bà H đã trả số tiền 3.000.000 đồng và bà H đã ký xác nhận, do đó không có cơ sở để chấp nhận bà Nguyễn Thị H.

Xét việc nguyên đơn bà H rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa đối khoản nợ do ông Nguyễn Hữu L ký vay 7.900.000 đồng, bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác; ngoài ra trong quá trình vay số tiền 9.000.000 đồng (ngày 12/11/2012), số tiền 24.000.000 đồng (ngày 07/02/2015) chỉ có bà Nguyễn Thị H ký vay tiền vay nên bà H rút yêu cầu đối với ông Nguyễn Hữu L, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải trả nợ, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 22.000.000 đồng *(Hai mươi hai triệu đồng)*.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.100.000 đồng *(Một triệu một trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 748.000 đồng *(Bảy trăm bốn mươi tám nghìn*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0014373, ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cao trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-*Tòa án tỉnh Đăk Lăk;*
-VKS huyện Krông Buk;
-Thi hành án huyện K;
-Các đương sự;
- Lưu hs-vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Thị Hoa Lý